

Bản án số: 55/2023/DS - ST.

Ngày: 21 - 8 - 2023.

V/v “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Võ Văn Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST - DS, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST - DS, ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị D, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Khổng Nguyễn C; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.2. Ông Lê Văn U; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Hữu P; địa Chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 22/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị D trình bày: Bà Nguyễn Thị Ánh L có đứng ra làm chủ bà Thạch Thị D tham gia làm hội viên: Hội mở ngày 10/11/2017 âm lịch, một phần hội 300.000 đồng, có 61 phần hội, bà D tham gia 01 phần. Bà D đã đóng được 46 lần còn lại 15 lần thì bà L tuyên bố bãi hội. Tổng số tiền đã đóng là 6.500.000 đồng nhưng tại biên bản hòa giải ngày 06/9/2020 bà D và bà L thỏa thuận bà L sẽ trả cho bà D 5.000.000 đồng làm hai lần vào ngày 01/11/2020 âm lịch trả 2.500.000 đồng và ngày 01/4/2021 âm lịch trả 2.500.000 đồng nhưng đến nay bà L đã trả bà D được 2.500.000 đồng còn 2.500.000 đồng đến nay vẫn không trả như đã hứa mặc dù bà D đã nhiều lần đòi bà L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh L có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ hội là 2.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà L, nhưng bà L không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị D và buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L hoàn trả số tiền hội cho nguyên đơn là 2.500.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy, trong biên bản hòa giải cơ sở ngày 11/10/2020 bà Thạch Thị D và bà Nguyễn Thị Ánh L đã chốt nợ hội. Bà L còn nợ bà D số tiền hội là 5.000.000 đồng và tại phiên tòa bà D yêu cầu bà L hoàn trả số tiền hội còn nợ là 2.500.000 đồng và các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng góp hội. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hội)”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Ánh L hiện cư trú tại Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân

huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Khổng Nguyễn C, ông Lê Văn U, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2, Điều 229, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 11/10/2020 tại nhà sinh hoạt cộng đồng Ấp X, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng bà L trình bày: “ Tôi sẽ trả bằng 02 lần vào ngày 01.11.2020 trả 2.500.000đ, lần 2 sẽ trả vào ngày 01.04.2021 trả 2.500.000 đ (đủ số 5 Triệu)”. Đồng thời tại các biên bản lấy lời khai của bà Khổng Nguyễn C (bút lục 28), ông Lê Văn U (bút lục số 29), ông Nguyễn Hữu T (bút lục 30) và ông Nguyễn Hữu P (bút lục 31) thì họ đều trình bày vào ngày 11/10/2020 họ có tham gia tổ hòa giải vụ việc của bà Thạch Thị D và bà Nguyễn Thị Ánh L và đều khẳng định bà L còn nợ tiền hụi bà D là 5.000.000 đồng sẽ trả làm hai lần vào ngày 01/11/2020 âm lịch trả 2.500.000 đồng, lần 2 sẽ trả vào ngày 01/04/2021 âm lịch trả 2.500.000 đồng. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Nguyễn Thị Ánh L biết nhưng bà L không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định Bà Nguyễn Thị Ánh L có nợ bà Thạch Thị D số tiền hụi là 5.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà D thừa nhận bị đơn bà L đã trả cho nguyên đơn được 2.500.000 đồng nên người đơn yêu cầu bị đơn trả 2.500.000 đồng còn lại.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L còn nợ nguyên đơn bà Thạch Thị D số tiền hụi là 2.500.000 đồng; trên cơ sở đó, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị D và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hụi, biếu, phùng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thạch Thị D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Ánh L phải trả lãi cho bà Thạch Thị D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Thạch Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 235 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị D. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà D số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Thạch Thị D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Ánh L phải trả lãi cho bà Thạch Thị D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Thạch Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Ánh**